

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1769**/UBND-XD<sub>1</sub>

Hà Tĩnh, ngày **06** tháng 4 năm 2018

V/v Báo cáo phục vụ phiên giải trình về  
quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất  
thải chăn nuôi

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã.

Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội có Văn bản số 767/UBKHCNMT14 ngày 02/4/2018 đề nghị báo cáo phục vụ phiên giải trình về quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi (có văn bản và Đề cương báo cáo kèm theo);

Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố, thị xã và cơ quan liên quan soát xét, tổng hợp các nội dung theo yêu cầu tại văn bản nêu trên, dự thảo văn bản báo cáo gửi Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15/4/2018./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, PVP UBND tỉnh phụ trách;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, XD<sub>1</sub>, (12)

**TL. CHỦ TỊCH  
CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Lê Minh Đạo**

JVT

QUỐC HỘI KHÓA XIV  
ỦY BAN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ  
VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 767/UBKHCNMT14

V/v: Xây dựng Báo cáo phục vụ phiên giải trình  
về quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải  
chăn nuôi

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2018

VĂN PHÒNG UBND TỈNH

ĐẾN  
Số: 1192  
Ngày: 05/4/18  
Chuyển: .....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Quốc hội và chương trình công tác năm 2018 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội (KHCN&MT). Để tổ chức phiên giải trình “*Quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi*”, Ủy ban KHCN&MT đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo bằng văn bản về quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao.

(Xin gửi kèm theo Kế hoạch số 768/KH-UBKHCNMT14 và Đề cương hướng dẫn xây dựng báo cáo)

Báo cáo của Quý Ủy ban gửi về Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội, số 22 đường Hùng Vương, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội trước ngày 20/4/2018 (Gửi file điện tử qua địa chỉ email: hungnq@qh.gov.vn).

Xin trân trọng cảm ơn.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
  - Chủ nhiệm Ủy ban KHCN&MT (để bc);
  - TT Ủy ban KHCN&MT;
  - Lưu: Vụ HC, KHCNMT.
- Số E-pas: 23746.

TM. ỦY BAN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ  
VÀ MÔI TRƯỜNG  
KT. CHỦ NHIỆM  
PHÓ CHỦ NHIỆM



Trần Văn Minh

Số: 768/KH-UBKHCNMT14

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2018

**KẾ HOẠCH**  
**Tổ chức phiên giải trình về**  
**“Quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi”**

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, kết quả thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội tổ chức phiên giải trình về “*Quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi*”.

**1. Mục đích, yêu cầu**

**1.1. Mục đích**

Thông qua phiên giải trình nhằm đánh giá đầy đủ về:

- Thực trạng ban hành chính sách, pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi của Việt Nam, trong đó nêu rõ kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân.

- Đánh giá việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi, trong đó nêu rõ được các kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân.

- Kiến nghị những giải pháp, biện pháp trước mắt cũng như lâu dài với Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành, các cơ quan hữu quan khác và các địa phương nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chất thải trong sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi.

**1.2. Yêu cầu**

Phiên giải trình được tổ chức khách quan, công khai, bảo đảm chất lượng, thực hiện đúng quy định của Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân với sự tham gia của đại diện lãnh đạo các cơ quan, tổ chức hữu quan liên quan.

**2. Nội dung giải trình**

**2.1. Về quản lý chất thải sinh hoạt**

- Làm rõ thực trạng ban hành chính sách, pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt; những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân.

- Làm rõ việc thực thi chính sách, pháp luật quản lý chất thải sinh hoạt ở Việt Nam. Trong đó nêu rõ thực trạng phòng ngừa, phát sinh, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt; công tác chỉ đạo, điều hành; thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm; công tác tuyên truyền, đào tạo nguồn nhân lực; phí, lệ phí, giá, thuế, kinh tế-tài chính, ngân sách cho quản lý chất thải sinh hoạt.... và nêu rõ những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân.

- Đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý chất thải sinh hoạt và giải trình rõ cơ sở pháp lý, tính khoa học và thực tiễn của những giải pháp đó.

## **2.2. Về xử lý chất thải chăn nuôi**

- Làm rõ thực trạng quy định của pháp luật về xử lý chất thải chăn nuôi; cách tiếp cận quản lý chất thải chăn nuôi ở Việt Nam hiện nay;

- Việc thực hiện các quy định của pháp luật về xử lý chất thải chăn nuôi: (1) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xả thải; (2) Đầu tư kinh phí, hỗ trợ tài chính cho xử lý chất thải chăn nuôi; (3) Công nghệ, thiết bị, giải pháp xử lý chất thải chăn nuôi; (4) Chi phí để xử lý chất thải chăn nuôi đạt Quy chuẩn QCVN 08 và QCVN 62; (5) Nguồn tiếp nhận xả thải chất thải chăn nuôi; (6) Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân hoạt động chăn nuôi trong xử lý chất thải chăn nuôi (có so sách kinh nghiệm quản lý của một số nước).

- Giải pháp và kiến nghị.

## **3. Thành phần tham dự**

- *Cơ quan chủ trì phiên giải trình:* Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội (phối hợp với Ủy ban Tài chính và Ngân sách của Quốc hội).

- *Đại biểu mời tham dự và phát biểu ý kiến chỉ đạo:* Đồng chí Phùng Quốc Hiển, Phó Chủ tịch Quốc hội.

- *Các bộ có trách nhiệm giải trình chính:*

+ Bộ Tài nguyên và Môi trường;

+ Bộ Xây dựng;

+ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

+ Bộ Tài Chính.

- *Các bộ, ngành cùng tham gia giải trình:* Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Công Thương.

- *Các bộ, ngành mời tham dự và phát biểu ý kiến:* Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Kiểm toán nhà nước và một số bộ, ngành khác có liên quan.

- *Các địa phương cùng tham gia giải trình:* Lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành

phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương liên quan có tính chất điển hình (có những doanh nghiệp, cơ sở chăn nuôi lớn có kiến nghị).

- *Đại biểu Quốc hội*: Thành viên Ủy ban KH&MT; Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội;

- *Khách mời tham dự*: Văn phòng Trung ương Đảng; Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Chính phủ; Ủy ban Trung ương mặt trận tổ quốc Việt Nam; Một số Liên hiệp hội, Hội về môi trường; Một số doanh nghiệp liên quan có tính chất điển hình liên quan đến chất thải sinh hoạt và chăn nuôi.

- *Một số cơ quan thông tin đại chúng dự và đưa tin*: Truyền hình Quốc hội, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam (Hệ phát thanh có hình VOV), Đài truyền hình Hà Nội, Báo Đại biểu nhân dân, Báo Tuổi trẻ, Báo Pháp luật Việt Nam, báo điện tử vnexpress, vietnamnet, dantri, Tạp chí môi trường,...

#### **4. Về trách nhiệm chuẩn bị báo cáo bằng văn bản**

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức và Đề cương kèm theo Kế hoạch này, các cơ quan, tổ chức báo cáo theo các nội dung sau đây:

- *Bộ Tài nguyên và Môi trường*: Tổng quan về chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi; Tình hình ban hành và thực thi chính sách, pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi; những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân. Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi (Đề cương chi tiết tại phụ lục 1)

- *Bộ Xây dựng*: Thực trạng ban hành và thực thi chính sách, pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt đô thị, khu dân cư tập trung; những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân; đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý chất thải sinh hoạt đô thị, khu dân cư tập trung (Đề cương chi tiết tại phụ lục 2)

- *Bộ Tài Chính*: Tình hình ban hành và thực thi chính sách về thuế, phí, lệ phí, giá, cơ chế tài chính, các công cụ kinh tế khác đối với quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi; các ưu đãi về thuế, phí, giá, đất đai, thu nhập doanh nghiệp, vốn... trong lĩnh vực chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi; quản lý tài sản nhà nước đối với doanh nghiệp thuộc lĩnh vực môi trường; áp dụng các công cụ kinh tế, tài chính (giấy phép xả thải (có thể mua bán), kỹ quỹ phục hồi môi trường, đặt cọc hoàn trả, trợ cấp môi trường, nhãn sinh thái, quỹ bảo vệ môi trường, giá mua điện từ rác, dịch vụ môi trường, bồi thường thiệt hại môi trường, bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại môi trường, kiểm toán môi trường...) trong quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi; những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân; đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi (Đề cương chi tiết

tại phụ lục 3).

- *Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*: Thực trạng chất thải chăn nuôi; tình hình ban hành và thực thi chính sách, pháp luật về xử lý chất thải chăn nuôi; những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân; đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả xử lý chất thải chăn nuôi (Đề cương gợi ý tại phụ lục 4).

- *Bộ Công Thương*: Thực trạng phát sinh chất thải trong lĩnh vực thương mại, tiêu dùng; tình hình ban hành và thực thi chính sách, pháp luật về quản lý chất thải trong lĩnh vực tiêu dùng, công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm, chính sách phát triển công nghiệp môi trường và tạo lập thị trường thương mại chất thải; những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân; đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý chất thải thuộc lĩnh vực bộ quản lý (Đề cương gợi ý tại phụ lục 5).

- *Bộ Kế hoạch và Đầu tư*: Tình hình đầu tư, vốn, thành lập doanh nghiệp trong lĩnh vực môi trường; công nghiệp môi trường nói chung và chất thải sinh hoạt, chăn nuôi nói riêng; tình hình ban hành và thực thi chính sách, pháp luật về quản lý chất thải nói chung, quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi nói riêng; cơ chế, chính sách thúc đẩy các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực môi trường ở Việt Nam; những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân; đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý chất thải nói chung, quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi nói riêng thuộc lĩnh vực bộ quản lý (Đề cương gợi ý tại phụ lục 5).

- *Bộ Khoa học và Công nghệ*: thực trạng ban hành và thực thi chính sách về hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực chất thải sinh hoạt và chăn nuôi; phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ và sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực chất thải sinh hoạt và chất thải chăn nuôi; tiêu chuẩn, quy chuẩn trong lĩnh vực chất thải sinh hoạt và chăn nuôi...; những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân; đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý chất thải trong lĩnh vực sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi thuộc trách nhiệm quản lý của bộ (Đề cương gợi ý tại phụ lục 5).

- *Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố (chỉ báo cáo về quản lý chất thải sinh hoạt)*: Tổng quan về chất thải sinh hoạt của tỉnh, thành phố; tình hình ban hành và thực thi chính sách, pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt. Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân. Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, thành phố (Đề cương chi tiết tại phụ lục 6).

Số liệu thống kê trong báo cáo phục vụ phiên giải trình: **Tính từ ngày 01/01/2013 đến 30/12/2017.**

## **5. Khảo sát, làm việc và hội thảo**

### **5.1. Khảo sát và làm việc**

#### **a) Về chất thải sinh hoạt**

- *Khảo sát và làm việc với một số địa phương*<sup>1</sup>: Tp. Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Nai; Tp. Đà Nẵng, Tp. Cần Thơ.

- *Làm việc với các bộ, ngành trước khi tiến hành phiên giải trình*: Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Xây dựng; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài Chính.

#### **a) Về chất thải trong chăn nuôi**

Việc khảo sát, làm việc theo kế hoạch giám sát tại Nghị quyết số 669/NQ-UBKHCNMT14 ngày 17/01/2018 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội về việc thành lập Đoàn giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý, bảo vệ môi trường chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi.

### **5.2. Hội thảo<sup>2</sup>**

Chủ đề: Công cụ kinh tế trong quản lý chất thải ở Việt Nam

Thời gian: cuối tháng 4/2018.

Địa điểm: Số 22 Hùng Vương, Ba Đình, Hà Nội.

Số lượng và thành phần: Khoảng 60 người, mời Phó Chủ tịch Quốc hội Phùng Quốc Hiển dự và phát biểu ý kiến chỉ đạo; đại diện Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội; các bộ, ngành liên quan; các hội, Hiệp hội, một số doanh nghiệp về môi trường; một số chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực môi trường, kinh tế môi trường.

## **6. Thời gian, địa điểm gửi báo cáo và tổ chức phiên giải trình**

- Thời gian gửi báo cáo: Các bộ, ngành, địa phương được yêu cầu gửi báo cáo bằng văn bản phải gửi trước ngày 20/4/2018.

- Địa chỉ gửi báo cáo: Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội, số 22 đường Hùng Vương, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Thời gian tổ chức phiên giải trình: Dự kiến 01 ngày, Thứ sáu, ngày 04/5/2018.

- Địa điểm: Phòng Tân Trào, tầng 2, Tòa Nhà Quốc hội.

## **7. Kết quả phiên giải trình**

- Báo cáo gửi Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương;

<sup>1</sup> Tùy điều kiện cụ thể sẽ tổ chức Đoàn khảo sát và làm việc tại các địa phương.

<sup>2</sup> Căn cứ vào điều kiện cụ thể, Hội thảo sẽ được tổ chức nếu cần thiết.

- Tổ chức giám sát việc thực hiện các cam kết và Kết luận của Phiên giải trình.

### 8. Tổ chức thực hiện

- Đồng chí Phan Xuân Dũng, Chủ nhiệm Ủy ban KH&CN&MT chủ trì, chỉ đạo chung;

- Đồng chí Trần Văn Minh, Phó Chủ nhiệm Ủy ban KH&CN&MT và đồng chí Phùng Đức Tiến, Phó Chủ nhiệm Ủy ban KH&CN&MT tổ chức thực hiện các công việc trên;

- Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường – Văn phòng Quốc hội là cơ quan tham mưu, tổ chức phục vụ.

\* \*  
\*

Trên đây là Kế hoạch tổ chức phiên giải trình về “*Quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi*”. Trân trọng đề nghị các bộ, ngành, địa phương phối hợp thực hiện.

#### Nơi nhận:

- Đ/c Chủ tịch Quốc hội (để báo cáo);
  - Đ/c Phó Chủ tịch Phùng Quốc Hiển (để báo cáo);
  - Hội Đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
  - Thành viên UBKH&CN&MT;
  - Các bộ: TN&MT, XD, KH&ĐT, NN&PTNT, CT, KH&CN, TC, KTNN, CA, QP.
  - Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
  - Vụ KH&CN&MT, LT, Cục QT - VPQH.
  - Lưu: HC, KH&CN&MT.
- Số E-pas: 23778.

TM. ỦY BAN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ  
VÀ MÔI TRƯỜNG  
CHỦ NHIỆM



Phan Xuân Dũng



**PHỤ LỤC 1**  
**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Kế hoạch số 768/KH-UBKHCNMT14 ngày 02/4/2018 của Ủy ban KHCN&MT)

**I. Tình hình ban hành chính sách, pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi**

**1. Tổng quan về chất thải**

- 1.1. Chất thải sinh hoạt và chăn nuôi ở Việt Nam.
- 1.2. Tính chất, tác động của chất thải sinh hoạt và chăn nuôi tới môi trường, kinh tế và con người
- 1.3. Tiềm năng thị trường và khả năng tăng trưởng trong lĩnh vực xử lý chất thải sinh hoạt và chăn nuôi ở Việt Nam.
- 1.4. Việc làm và các vấn đề xã hội liên quan đến chất thải sinh hoạt và chăn nuôi.

**2. Thực trạng ban hành chính sách, pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi**

- 2.1. Tình hình chung về ban hành văn bản pháp luật; công tác tham mưu và hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi (có thông kê đầy đủ các văn bản Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết, Nghị định, Quyết định, thông tư, các tiêu chuẩn, quy chuẩn...).
- 2.2. Tình hình ban hành chính sách, pháp luật thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp môi trường và các công nghệ xử lý chất thải sinh hoạt và chăn nuôi.
- 2.3. Tình hình ban hành chính sách, pháp luật về phí, lệ phí, giá, thuế, tài chính thúc đẩy quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi.
- 2.4. Tình hình ban hành chính sách, pháp luật tăng cường áp dụng các công cụ kinh tế khác (giấy phép xả thải (có thể mua bán), kỹ quỹ phục hồi môi trường, đặt cọc hoàn trả, trợ cấp môi trường, nhãn sinh thái, quỹ bảo vệ môi trường, giá mua điện từ rác, dịch vụ môi trường, bồi thường thiệt hại môi trường, bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại môi trường, kiểm toán môi trường...) trong quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi.
- 2.5. Quy hoạch, chiến lược, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án về quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi.
- 2.6. Nêu và đánh giá về hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong việc ban hành chính sách, pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi; những rào cản chính về chính sách, pháp luật làm hạn chế hiệu quả quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi.
- 2.7. Nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

**II. Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi**

**1. Công tác tổ chức, chỉ đạo, điều hành**

1.1. Tình hình tổ chức thực thi pháp luật và chỉ đạo điều hành (Ở Trung ương và địa phương)

1.2. Phân cấp quản lý, trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi

## **2. Tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi**

2.1. Tình hình triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi (phòng ngừa, phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn...).

2.2. Triển khai thực hiện các chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án về quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi.

2.3. Tình hình sử dụng ngân sách sự nghiệp môi trường, áp dụng các cơ chế tài chính, huy động nguồn lực; phương pháp tính và thu thuế, phí, lệ phí, giá đảm bảo quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi theo cơ chế thị trường và bảo đảm tính bền vững.

2.4. Tình hình áp dụng các công cụ kinh tế khác (giấy phép xả thải (có thể mua bán), kỹ quỹ phục hồi môi trường, đặt cọc hoàn trả, trợ cấp môi trường, nhãn sinh thái, quỹ bảo vệ môi trường, giá mua điện từ rác, dịch vụ môi trường, bồi thường thiệt hại môi trường, bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại môi trường, kiểm toán môi trường...) trong quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi.

2.5. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức, tập huấn kỹ thuật về quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi.

2.6. Thực trạng công nghệ xử lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi (các loại công nghệ nghiên cứu trong nước, nhập khẩu; đánh giá tính ưu việt, hiệu quả kinh tế và xử lý...); Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực môi trường (số lượng, quy mô, lĩnh vực, năng lực, vốn...); Hoạt động khoa học và công nghệ phục vụ quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi.

2.7. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi.

2.8. Công tác kiểm tra văn bản vi phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

2.9. Xã hội hóa và các mô hình quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi.

2.10. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi.

## **3. Nhận xét, đánh giá**

3.1. Về kết quả đạt được

3.2. Về hạn chế và yếu kém

3.3. Về nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

## **III. Nhóm giải pháp**

### **1. Nhóm giải pháp về quan điểm, phương pháp tiếp cận, phương pháp quản lý hiệu**

*quả chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi.*

2. *Nhóm giải pháp về chính sách, pháp luật* (kiến nghị sửa đổi các điều khoản cụ thể, các tiêu chuẩn, các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cụ thể; bổ sung các quy định còn thiếu để nâng cao hiệu quả quản lý; bãi bỏ các quy định làm hạn chế hiệu quả quản lý; nêu rõ phương án và thời gian khắc phục ...).

3. *Nhóm giải pháp về tăng cường thực thi quản lý nhà nước* (nêu rõ các giải pháp cụ thể, không chung chung; xác định rõ trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương, nêu rõ phương án và thời gian khắc phục...).

4. *Nhóm giải pháp về cơ chế tài chính, thuế, phí, giá, công cụ kinh tế và nguồn lực* (nêu rõ các giải pháp cụ thể, khả thi, thời gian thực hiện, biện pháp khắc phục, nêu rõ tính biện chứng, khoa học, khả thi của từng giải pháp...).

5. *Nhóm giải pháp về khoa học và công nghệ quản lý, xử lý chất thải* (cụ thể, rõ ràng và không chung chung).

6. *Nhóm giải pháp về tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức và hợp tác quốc tế*

7. *Các nhóm giải pháp khác* (cụ thể, rõ ràng để tăng cường hiệu quả công tác quản lý).

### **III. Kiến nghị**

1. *Đối với Quốc hội*

2. *Đối với Chính phủ*

3. *Đối với các bộ, ngành khác liên quan*

3. *Đối với các địa phương*

*\* Lưu ý:*

- *Trọng tâm của chất thải sinh hoạt và chăn nuôi trong báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường là: Chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt và chất thải trong chăn nuôi.*

- *Có bảng thống kê đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành liên quan đến chất thải sinh hoạt và chăn nuôi.*

- *Báo cáo cụ thể về một số vụ việc gây bức xúc trong thời gian qua.*

- *Báo cáo, có số liệu cụ thể về: hiện trạng, nguồn lực, công nghệ; danh mục các cơ sở xử lý chất thải sinh hoạt và chăn nuôi.*

**PHỤ LỤC 2**  
**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CỦA BỘ XÂY DỰNG**  
(Kèm theo Kế hoạch số 768/KH-UBNDHCNMT14 ngày 02/4/2018 của Ủy ban KH-CN&MT)

**I. Tình hình ban hành chính sách, pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt đô thị**

**1. Tổng quan về chất thải sinh hoạt đô thị**

- 1.1. Tổng quan về chất thải rắn sinh hoạt và nước thải đô thị.
- 1.2. Tính chất, tác động của của chất thải sinh hoạt đô thị tới môi trường, kinh tế và con người.
- 1.3. Kinh tế chất thải, việc làm và các vấn đề xã hội liên quan đến chất thải sinh hoạt đô thị.

**2. Tình hình ban hành chính sách, pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt đô thị**

- 2.1. Tình hình chung về ban hành văn bản pháp luật; công tác tham mưu và hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt đô thị (có thông kê đầy đủ các văn bản Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết, Nghị định, Quyết định, thông tư, các tiêu chuẩn, quy chuẩn...).
- 2.2. Tình hình ban hành chính sách, pháp luật thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp môi trường và các công nghệ xử lý chất thải sinh hoạt đô thị (chất thải rắn và nước thải đô thị) do bộ quản lý.
- 2.3. Tình hình ban hành chính sách, pháp luật về phí, lệ phí, giá, thuế, tài chính thúc đẩy quản lý chất thải sinh hoạt đô thị (cơ chế chính sách, định mức kinh tế - kỹ thuật, suất vốn đầu tư, phương pháp lập, quản lý chi phí, phương pháp định giá đúng, đủ trong dịch vụ thu gom, vận chuyển, phân loại, lưu giữ, xử lý, tái chế...).
- 2.4. Tình hình ban hành chính sách, pháp luật tăng cường áp dụng các công cụ kinh tế khác trong quản lý chất thải sinh hoạt đô thị.
- 2.5. Quy hoạch, chiến lược, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án về quản lý chất thải sinh hoạt đô thị.
- 2.6. Nêu và đánh giá về hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong việc ban hành chính sách, pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt đô thị; những rào cản chính về chính sách, pháp luật làm hạn chế hiệu quả quản lý chất thải sinh hoạt đô thị.
- 2.7. Nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

**II. Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt đô thị**

**1. Công tác tổ chức, chỉ đạo, điều hành**

- 1.1. Tình hình tổ chức thực thi pháp luật và chỉ đạo điều hành (Ở Trung ương và địa phương)
- 1.2. Phân cấp quản lý, trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong quản lý chất thải sinh hoạt đô thị (chất thải rắn và nước thải đô thị)

**2. Tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt**

- 2.1. Tình hình triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt đô thị (phòng ngừa, phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật...).
- 2.2. Triển khai thực hiện các chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án về chất thải sinh hoạt đô thị (đánh giá hiệu quả; có danh mục kèm theo nêu rõ quy mô, vị trí, tổng mức đầu tư, tiến độ triển khai, công nghệ - kỹ thuật các dự án, bãi chôn lấp...).
- 2.3. Tình hình sử dụng ngân sách sự nghiệp môi trường, áp dụng các cơ chế tài chính, huy động nguồn lực; phương pháp tính và thu thuế, phí, lệ phí, giá đảm bảo quản lý chất thải sinh hoạt đô thị theo hướng thành phố sinh thái và thông minh.
- 2.4. Tình hình áp dụng các công cụ kinh tế khác trong quản lý chất thải sinh hoạt đô thị (nếu có).
- 2.5. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức, tập huấn kỹ thuật về quản lý chất thải sinh hoạt đô thị.
- 2.6. Thực trạng công nghệ xử lý chất thải sinh hoạt đô thị (công nghệ nghiên cứu trong nước, nhập khẩu; đánh giá tính ưu việt, hiệu quả kinh tế và xử lý; tiềm năng phát triển công nghệ...); Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực môi trường (số lượng, quy mô, lĩnh vực, năng lực, vốn...); Hoạt động KH&CN phục vụ quản lý chất thải sinh hoạt đô thị.
- 2.7. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt đô thị (số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra; số vụ vi phạm, số tiền phạt; những kiến nghị đã được thực thi...).
- 2.8. Công tác kiểm tra văn bản vi phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Bộ.
- 2.9. Xã hội hóa và các mô hình quản lý chất thải sinh hoạt đô thị.
- 2.10. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực chất thải sinh hoạt đô thị.

### **3. Nhận xét, đánh giá**

- 3.1. Về kết quả đạt được.
- 3.2. Về hạn chế và yếu kém.
- 3.3. Về nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

## **III. Nhóm giải pháp**

**1. Nhóm giải pháp về quan điểm, phương pháp tiếp cận, phương pháp quản lý hiệu quả chất thải sinh hoạt đô thị.**

**2. Nhóm giải pháp về chính sách, pháp luật** (kiến nghị sửa đổi các điều khoản cụ thể, các quy chuẩn kỹ thuật; bổ sung các quy định còn thiếu để nâng cao hiệu quả quản lý; bãi bỏ các quy định làm hạn chế hiệu quả quản lý; nêu rõ thời gian khắc phục, biện pháp khắc phục ...).

**3. Nhóm giải pháp về tăng cường thực thi quản lý nhà nước** (nêu rõ các giải pháp cụ thể, không chung chung; xác định rõ trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương, nếu

rõ thời gian khắc phục...).

**4. Nhóm giải pháp về cơ chế tài chính, thuế, phí, giá, công cụ kinh tế và nguồn lực** (nêu rõ các giải pháp cụ thể, khả thi, thời gian thực hiện, biện pháp khắc phục, nêu rõ tính biện chứng, khoa học, khả thi của từng giải pháp...).

**5. Nhóm giải pháp về khoa học và công nghệ quản lý, xử lý chất thải** (cụ thể, rõ ràng và không chung chung).

**6. Nhóm giải pháp về tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức và hợp tác quốc tế**

**7. Các nhóm giải pháp khác** (cụ thể, rõ ràng để tăng cường hiệu quả công tác quản lý).

### **III. Kiến nghị**

**1. Đối với Quốc hội**

**2. Đối với Chính phủ**

**3. Đối với địa phương**

**\* Lưu ý:**

- Phạm vi đô thị trong báo cáo của Bộ Xây dựng là: từ đô thị đặc biệt đến đô thị cấp IV.

- Có bảng thống kê các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành liên quan đến chất thải sinh hoạt đô thị.

- Báo cáo cụ thể về một số vụ việc gây bức xúc trong thời gian qua do bộ quản lý.

- Báo cáo, cơ sở liệu cụ thể về hiện trạng, nguồn lực, công nghệ, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về chất thải sinh hoạt đô thị.

---

### PHỤ LỤC 3

## ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Kế hoạch số 768/KH-UBKHCNMT14 ngày 02/4/2018 của Ủy ban KHCN&MT)

### I. Tình hình ban hành chính sách, pháp luật về phí, lệ phí, thuế, giá trong quản lý chất thải sinh hoạt và chăn nuôi

1. Tình hình ban hành chính sách và pháp luật (bảng thống kê chi tiết các văn bản kèm theo báo cáo).

2. Kết quả đạt được

3. Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc

4. Nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn, vướng mắc (khách quan, chủ quan).

### II. Tình hình ban hành chính sách, pháp luật áp dụng các cơ chế tài chính, các công cụ kinh tế khác (giấy phép xả thải (có thể mua bán), kỹ quỹ phục hồi môi trường, đặt cọc hoàn trả, trợ cấp môi trường, nhãn sinh thái, quỹ bảo vệ môi trường, giá mua điện từ rác, dịch vụ môi trường, bồi thường thiệt hại môi trường, bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại môi trường, kiểm toán môi trường...) trong quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi

1. Tình hình ban hành chính sách và pháp luật (bảng thống kê chi tiết các văn bản kèm theo báo cáo).

2. Kết quả đạt được

3. Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc

4. Nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn, vướng mắc (khách quan, chủ quan).

### III. Tình hình thực thi chính sách, pháp luật về phí, lệ phí, thuế, giá, cơ chế tài chính, các công cụ kinh tế khác trong lĩnh vực quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi

*(Đánh giá theo các nội dung trong mục 4 của Kế hoạch)*

1. Đánh giá chung.

2. Những biện pháp thực hiện và kết quả đạt được.

3. Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

4. Nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn, vướng mắc (khách quan, chủ quan).

### III. Nhóm giải pháp

1. Nhóm giải pháp về chính sách, pháp luật.

2. Nhóm giải pháp về tăng cường thực thi quản lý

3. Nhóm giải pháp về cơ chế tài chính, thuế, phí, lệ phí, giá, các công cụ kinh tế khác và nguồn lực

4. Các nhóm giải pháp khác

### III. Kiến nghị

1. Đối với Quốc hội

2. Đối với Chính phủ

3. Các bộ, ngành, tổ chức có liên quan

3. Đối với các địa phương

\* Lưu ý: Các báo cáo phải có số số liệu thống kê đầy đủ.

**PHỤ LỤC 4**  
**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CỦA**  
**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
(Kèm theo Kế hoạch số 768/KH-UBKHCNMT14 ngày 02/4/2018 của Ủy ban KHCN&MT)

**I. VIỆC BAN HÀNH CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CHĂN NUÔI**

1. Thống kê các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành từ năm 2015 (khi Luật bảo vệ môi trường có hiệu lực thi hành) cấp Luật, pháp lệnh, Nghị định, Quyết định, Thông tư.

2. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về xử lý môi trường chăn nuôi; quy định về điều kiện bảo đảm môi trường chăn nuôi (thống kê số liệu theo Bảng 1)

3. Đánh giá: tính khả thi, đầy đủ của chính sách pháp luật về vấn đề này.

**II. ĐÁNH GIÁ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CHĂN NUÔI**

1. Công tác xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch chăn nuôi, chính sách phát triển chăn nuôi bền vững, hữu cơ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và thống kê cơ cấu chăn nuôi, quy mô, loại hình chăn nuôi hiện nay theo Bảng 2.

2. Việc thực hiện các quy định về xử lý chất thải chăn nuôi theo phân công, phân cấp quản lý.

3. Việc thực hiện quy định Thông tư 04/2016/TT-BTNMT về ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường: QCVN 62-MT:2016/BTNMT về nước thải chăn nuôi; Thông tư 65/2015/TT-BTNMT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường: QCVN 08 – MT: 2015/BTNMT về chất lượng nước mặt và thống kê số liệu theo Bảng 3.

b) Các biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi và thống kê số liệu theo Bảng 4

c) Kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện xử lý chất thải chăn nuôi và thống kê số liệu theo Bảng 5.

d) Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở chăn nuôi trong xử lý chất thải chăn nuôi.

đ) Tồn tại, bất cập và nguyên nhân.

**III. GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ**

**1. Các nhóm giải pháp**

a) Giải pháp hoàn thiện chính sách pháp luật.

b) Giải pháp nguồn lực và tổ chức thực hiện.

c) Giải pháp về khoa học và công nghệ.

**2. Kiến nghị**

a) Kiến nghị về hoàn thiện văn bản pháp luật.

b) Kiến nghị về tổ chức thực hiện.



**Bảng 1: THÔNG KÊ CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CHĂN NUÔI**

STT	Tên văn bản				Tiêu chuẩn
	Luật	Nghị định	Quyết định	Thông tư	
1					
2					
3					

**Bảng 2. THÔNG KÊ SỐ LIỆU VỀ QUY MÔ, SỐ LƯỢNG VẬT NUÔI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH /TP**

STT	Tổng lượng vật nuôi trên địa bàn tỉnh	Số lượng vật nuôi trang trại	Số lượng vật nuôi quy mô gia trại	Số lượng vật nuôi quy mô hộ gia đình	Tổng Lượng chất thải của chăn nuôi
	Trâu, bò (con)	Lợn (con)	Gia cầm (con)	Thủy sản (ha)	
Năm 2015					
Năm 2016					
Năm 2017					

**Bảng 3: VIỆC THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CHĂN NUÔI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Tên văn bản pháp luật	Chăn nuôi Trang trại			Chăn nuôi gia trại		
	Số lượng cơ sở	Số cơ sở tuân thủ đúng	Số cơ sở không tuân thủ	Số lượng cơ sở	Số cơ sở tuân thủ đúng	Số cơ sở không tuân thủ
Thực thi quy định tại Thông tư 04/2016/BTNMT						
Thực thi quy định tại Thông thư 65/2015/TT – BTNM						
Thực thi Nghị định 66/2016/NĐ-CP 6 về Điều kiện cơ sở chăn nuôi tập trung						
Thực thi Nghị định số 18/2015/NĐ-CP về đánh giá tác động môi trường đối với các cơ sở chăn nuôi.						

**Bảng 4A: CHI PHÍ CHO XỬ LÝ CHẤT THẢI CHĂN NUÔI CỦA CÁC CƠ SỞ CHĂN NUÔI**

Chăn nuôi Trang trại			Chăn nuôi gia trại		
Số lượng Trang trại	Tổng đầu tư của trang trại chăn nuôi	Đầu tư xử lý chất thải chăn nuôi	Số lượng Cơ sở chăn nuôi gia trại	Tổng đầu tư chung	Đầu tư cho xử lý chất thải

**Bảng 4B: CHI PHÍ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO XỬ LÝ CHẤT THẢI CHĂN NUÔI**

Đơn vị tính: ngàn VND

STT	Các nội dung						
	Xây dựng mô hình	Thanh tra, kiểm tra	Tuyên truyền phổ biến kiến thức, pháp luật	Xử lý chất thải chăn nuôi	Nghiên cứu khoa học	Chi khác	Tổng
Năm 2015							
Năm 2016							
Năm 2017							

**Bảng 5: KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CHĂN NUÔI**

STT	Quy mô trang trại		Quy mô gia trại			Quy mô hộ gia đình			
	Số cơ sở chăn nuôi thanh tra, kiểm tra	Số cơ sở vi phạm		Số cơ sở chăn nuôi thanh tra, kiểm tra	Số cơ sở vi phạm		Số cơ sở chăn nuôi thanh tra, kiểm tra	Số cơ sở vi phạm	
		Vi phạm về thực hiện QCKT	Vi phạm về điều kiện môi trường chăn nuôi		Vi phạm về thực hiện QCKT	Vi phạm về điều kiện môi trường		Vi phạm về thực hiện QCKT	Vi phạm về điều kiện môi trường
Năm 2015									
Năm 2016									
Năm 2017									

**PHỤ LỤC 5**  
**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CỦA CÁC BỘ, NGÀNH**  
**BỘ CÔNG THƯƠNG, BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ, BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
(Kèm theo Kế hoạch số 768/KH-UBKHCNMT14 ngày 02/4/2018 của Ủy ban KHCN&MT)

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của bộ mình và mục 4 trong Kế hoạch, các bộ hữu quan báo cáo việc ban hành và thực thi các chính sách, pháp luật quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi theo Đề cương gợi ý sau:

**I. Tình hình chung về quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi thuộc lĩnh vực bộ, ngành quản lý**

**II. Tình hình ban hành chính sách, pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt và xử lý chất thải chăn nuôi thuộc lĩnh vực của bộ, ngành quản lý**

*(Theo các nội dung trong mục 4 của Kế hoạch)*

1. Tình hình ban hành chính sách và pháp luật (bảng thống kê chi tiết các văn bản kèm theo báo cáo).

2. Kết quả đạt được

3. Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc

4. Nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn, vướng mắc (khách quan, chủ quan).

**II. Tình hình thực thi chính sách, pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt và chăn nuôi thuộc lĩnh vực của bộ, ngành quản lý**

*(Đánh giá theo các nội dung trong mục 4 của Kế hoạch)*

1. Đánh giá chung.

2. Những biện pháp thực hiện và kết quả đạt được.

3. Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

4. Nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn, vướng mắc (khách quan, chủ quan).

**III. Nhóm giải pháp**

1. Nhóm giải pháp về chính sách, pháp luật

2. Nhóm giải pháp về tăng cường thực thi quản lý

3. Nhóm giải pháp về tài chính, thuế, phí, giá, công cụ kinh tế và nguồn lực

4. Nhóm giải pháp về khoa học và công nghệ

5. Nhóm giải pháp về tuyên truyền giáo dục và hợp tác quốc tế

6. Các nhóm giải pháp khác

**III. Kiến nghị**

1. Đối với Quốc hội

2. Đối với Chính phủ

3. Các bộ, ngành, tổ chức có liên quan

3. Đối với các địa phương

*\* Lưu ý: Các báo cáo phải có số số liệu thống kê đầy đủ.*

**PHỤ LỤC 6**  
**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ**  
**TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**

(Kèm theo Kế hoạch số 768/KH-UBKHCNMT14 ngày 02/4/2018 của Ủy ban KHCN&MT)

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và mục 4 trong Kế hoạch, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố báo cáo bằng văn bản việc ban hành và thực thi các chính sách, pháp luật quản lý chất thải sinh hoạt theo Đề cương gợi ý sau đây:

**I. VIỆC BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI SINH HOẠT**

**1. Việc ban hành chính sách, chiến lược, kế hoạch, chương trình về quản lý chất thải sinh hoạt.**

1.1. Các cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình Quốc gia về quản lý chất thải sinh hoạt triển khai ở địa phương (Nêu đủ các chiến lược, kế hoạch, chương trình Quốc gia đã được ban hành, những nội dung chính, mục tiêu, nhiệm vụ chính, các chỉ tiêu thực hiện...).

1.2. Các cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình về quản lý chất thải sinh hoạt tại địa phương (Nêu đủ các chiến lược, kế hoạch, chương trình đã được ban hành, những nội dung chính, mục tiêu, nhiệm vụ chính, các chỉ tiêu thực hiện ở địa phương...)

**2. Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt**

2.1. Tổng quan chung về tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật của địa phương

2.2. Nêu nội dung chính của các Nghị quyết hội đồng nhân dân, quyết định của ủy ban nhân dân về quản lý chất thải sinh hoạt (Có bảng thống kê các Nghị quyết, văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh về quản lý chất thải sinh hoạt)

**3. Nhận xét, đánh giá việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình về quản lý chất thải sinh hoạt**

3.1. Đối với các văn bản do Trung ương ban hành

(Kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn, vướng mắc)

3.2. Đối với các văn bản do địa phương ban hành

(Kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn, vướng mắc)

**II. VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI SINH HOẠT**

**1. Tổng quan thực trạng chất thải sinh hoạt của địa phương**

**2. Những tác động của chất thải sinh hoạt ở địa phương tới kinh tế, xã hội, con người và việc làm**

**3. Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của ủy ban nhân dân các cấp về quản lý chất thải sinh hoạt tại địa phương**

3.1. Việc chỉ đạo, điều hành của ủy ban nhân dân các cấp trong tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt.

3.2. Kết quả xây dựng, triển khai, thực hiện các chương trình, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án về chất thải sinh hoạt tại địa phương (Cần có phụ lục nêu rõ quy mô, địa điểm, tổng mức đầu tư...).

3.3. Nguồn lực cho quản lý chất thải sinh hoạt và các cơ chế tài chính, thuế, phí, lệ phí, giá, các công cụ kinh tế...

3.4. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức về quản lý chất thải sinh hoạt.

3.5. Việc phát triển, ứng dụng Khoa học và Công nghệ trong quản lý chất thải sinh hoạt.

3.6. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt.

3.7. Hợp tác quốc tế về chất thải sinh hoạt.

#### **4. Đánh giá việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt**

4.1. Kết quả đạt được.

4.2. Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

4.3. Nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

### **III. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ CHẤT THẢI SINH HOẠT**

#### **1. Đề xuất các giải pháp**

- Nhóm giải pháp về thể chế, chính sách.
- Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện.
- Nhóm giải pháp về nguồn lực.
- Các giải pháp khác...

#### **2. Kiến nghị**

- Kiến nghị đối với Quốc hội
- Kiến nghị đối với Chính phủ
- Kiến nghị đối với các bộ, ngành, tổ chức có liên quan

*\* Lưu ý: Các báo cáo phải có số liệu thống kê đầy đủ.*